

Bản án số: 104/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2020

V/v: “ Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Bà Dư Mỹ Linh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên Tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 104/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 05 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm: 1985 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp V, xã N, huyện G, tỉnh K.

Bị đơn: anh Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

HKTT: ấp V, xã N, huyện G, tỉnh K.

Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện G, tỉnh K.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều L trình bày: Chị và anh Nguyễn Tấn T được gia đình cha mẹ hai bên mai mối và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh K chứng nhận kết hôn vào ngày 17/4/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau mâu thuẫn bắt đầu phát sinh. Nguyên nhân anh T thay đổi tánh tình, sinh tật ngoại tình, quan hệ bất chính với người phụ nữ khác rồi về nhà gây gổ với chị. Chị rất đau khổ nhưng nghĩ thương chồng thương các con còn nhỏ dại nên đã cố gắng chịu đựng, khuyên nhủ và cho anh cơ hội sửa đổi. Nhưng sự việc làm

chị ngày càng trở nên thất vọng, vì suốt khoảng thời gian dài anh T chẳng những không sửa đổi mà lại công khai sống cùng người phụ nữ khác ở bên ngoài như vợ chồng. Vì vậy, chị quyết định ly thân với anh T từ năm 2016 cho đến nay. Nay xét thấy chị và anh T không thể nào hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung, chị xác định chị và anh T có hai con chung tên Nguyễn Thị Thanh A, sinh ngày 13/9/2003 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 11/12/2005. Hiện hai con đang sống bên gia đình của anh T. Đối với các con chị đồng ý giao hai con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn T không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều L

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân của chị L và anh T là hợp pháp do có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện G chứng nhận kết hôn. Chị L cho rằng anh T đang chung sống vợ chồng với người phụ nữ khác bên ngoài và quá trình giải quyết vụ án đã được xác minh làm rõ, hiện tại anh T đang sinh sống tại ấp T, xã H, huyện G với người phụ nữ khác. Nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn anh T là có cơ sở, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị L được ly hôn anh T. Về con chung, chị L xác định có hai con chung tên Nguyễn Thị Thanh A, sinh ngày 13/9/2003 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 11/12/2005, chị L có yêu cầu là giao hai con cho anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Do hai con chung của chị L, anh T trên 07 tuổi nên cần phải xem xét theo nguyện vọng của các con. Tại bản khai của cháu Thanh A, cháu có nguyện vọng sống cùng chị L, riêng cháu K có ý kiến sống cùng anh T. Nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cháu Nguyễn Thị Thanh A, sinh ngày 13/9/2003 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 11/12/2005 cho anh T nuôi dưỡng. Chị L, anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, do chị L yêu cầu không cấp dưỡng và anh T cũng không có ý kiến gì đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí ly hôn, buộc chị L nộp 300.000 đồng.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kiều L khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Tấn T nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh Nguyễn Tấn T có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng nên theo quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Nguyễn Tấn T với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T có cố tình vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 1- Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kiều L và anh Nguyễn Tấn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh K chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Theo chị L xác định thì vợ chồng chung sống thời gian đầu cũng hạnh phúc nhưng dần về sau thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân là do anh T có người phụ nữ khác bên ngoài và chung sống như vợ chồng nên chị và anh T đã ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay. Riêng anh T thì không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án T liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.* Nhưng anh T không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của chị L Mặc dù, nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày chị L là anh T không chung thủy, vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng, hiện tại giữa anh chị đã không còn chung sống vợ chồng từ năm 2016 cho đến nay. Và kể từ thời điểm khởi kiện, chị L và anh T cũng không có thiện chí nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng minh rằng anh chị đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đây là căn cứ để xác định mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng nên chị L yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị L.

[2.2] Về con chung, chị L xác định chị và anh T có hai con chung tên Nguyễn Thị Thanh Anh, sinh ngày 13/9/2003 và Nguyễn Hoàng Khá, sinh ngày 11/12/2005. Anh T không có ý kiến gì về con nên Hội đồng xét xử, xét thấy tại bản khai của hai cháu Thanh A và Hoàng K thì các cháu cũng thể hiện là con của anh T và chị L. Mặc khác, căn cứ vào giấy khai sinh của hai con do chị L cung cấp thể hiện cha mẹ của các cháu là chị Nguyễn Thị Kiều L và anh Nguyễn Tấn T nên có căn cứ để xác định chị L, anh T là cha mẹ của các cháu. Chị L yêu cầu giao cả hai con cho anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng. Nhưng các con của chị L, anh T đã trên 7 tuổi nên phải tham khảo ý kiến của các cháu. Cháu A có nguyện vọng sống cùng mẹ, riêng cháu K có ý kiến được sống cùng anh T nên cần xem xét theo nguyện vọng của con. Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xử

giao cháu Nguyễn Thị Thanh A, sinh ngày 13/9/2003 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 11/12/2005, cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng nuôi con, do chị L thể hiện ý kiến không cấp dưỡng và anh T cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào có tranh chấp thì khởi kiện sau.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, Khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án phí ly hôn sơ thẩm chị L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003308 ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 14, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;  
Xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kiều L được ly hôn anh Nguyễn Tấn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh A, sinh ngày 13/9/2003 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 11/12/2005 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng

( xem xét theo nguyện vọng của cháu A được sống với chị L, cháu K sống với anh T)

Chị L và anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai có quyền cản trở.

**2. Về án phí:** Buộc chị Nguyễn Thị Kiều L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003308 ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được tông đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa**